TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/DS-ST
Ngày: 07 - 8 - 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa:* Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2017/TLST – DS ngày 16 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Trung T, sinh năm 1970.

Trú tại: 1107/1, khóm T1 K, phường Mỹ H, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1990. Trú tại khóm Châu Th, phường CP B, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm 1970. (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Tổ 01, ấp Thạnh Ph, xã Thạnh Mỹ T1, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Tr trình bày: Do quen biết nên ngày 30/5/2011 ông Trần Trung T có cho ông Đoàn Văn L và bà Lê Thị Ánh H vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 4%/tháng, khi vay hai bên có làm giấy nhận nợ. Tuy nhiên, sau khi vay ông L, bà H không trả vốn và lãi cho ông T, đã nhiều lần ông T đến nhà yêu cầu ông L, bà H trả nợ nhưng cả hai vợ cH ông L không trả mà trốn tránh ông T. Nay ông T yêu cầu ông L, bà H liên đới trả cho ông T số tiền vốn 200.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Về thời hiệu khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Phô tô giấy nhận nợ L ngày 30/5/2011.

- Bị đơn ông Đoàn Văn L, bà Lê Thi Ánh H không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng thời còn trình bày bổ sung thêm vào năm 2013 ông T đã kiện ông L, bà H đối với việc vay này và khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì ông T tự nguyện rút đơn kiện để có thời gian thương lượng lại với bị đơn. Tuy nhiên, sau đó hai bên vẫn không thể thương lượng được nên ông T tiếp tục nộp kiện lại vào năm 2017 và vụ việc kéo dài cho đến nay.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ

án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán để vụ án thụ lý từ năm 2017 đến nay mới đưa ra xét xử là vi phạm thời hạn giải quyết vụ án nên cần rút kinh nghiệm.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L bà H trả cho ông T số tiền vốn 200.000.000đ. Về lãi suất, thỏa thuận lãi suất trong giấy nhận nợ là 4%/tháng là cao hơn so với quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 điều chỉnh lãi suất 20%/năm T lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử T theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T yêu cầu ông L, bà H trả số tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 30/5/2011. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn Văn L, bà Lê Thị Ánh H trú tại xã Thạnh Mỹ T1, huyện CP, tỉnh An Giang. Ông T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông L, bà H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xác định pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Các bên đương sự xác L hợp đồng vay tài sản vào năm 2011. Nhưng nội dung và hình thức của giao dịch phù

hợp với quy đinh của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Ông T yêu cầu ông L, bà H trả tiền vay 200.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 30/5/2011 có chữ ký và dấu lăn lay của ông L, bà H, cho thấy giữa ông T và ông L, bà H có xác L quan hệ vay tài sản là có thật. Ông L, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi cho ông T là vi phạm vụ trả tiền vay quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông L, bà H nhưng ông L, bà H không đến tham dự tố tụng cho thấy ông L, bà H đã mặc nhiên thừa nhận nợ với ông T nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông L, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

[2.2] Về lãi suất: Ông T yêu cầu T lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/5/2011 đến ngày xét xử là phù hợp nên được chấp nhận. Xét, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng trong giấy nhận nợ ngày 30/5/2011 là cao hơn quy định nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đều chỉnh lại lãi suất là 20%/năm. Số tiền lãi: 200.000.000đ x 20%/năm x 09 năm 02 tháng 07 ngày = 365.974.666đ.

Như vậy, ông L bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tiền vốn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi 365.974.666đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), tổng cộng 565.974.666đ (Năm trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[3] Về án phí: Ông L, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm . Hoàn trả cho T tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469, của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T đối với ông Đoàn Văn L và bà Lê Thị Ánh H về việc vay tài sản.

Buộc ông Đoàn Văn L và bà Lê Thị Ánh H có nghĩa vụ liên đới trả cho cho Trần Trung T số tiền vốn vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi 365.974.666đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), tổng cộng 565.974.666đ (Năm trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Ông Đoàn Văn L và bà Lê Thị Ánh H cùng phải chịu 26.638.960 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Trung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013343 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TA tỉnh AG;
- VKSND h.CP;
- Chi cục THADS h. CP;
- Lưu VP; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ